hTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022.
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thu Hà

2. Ông Trần Văn T1

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HN ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Chí T1

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện CA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Chí T1 chung sống với nhau từ năm 2009, có T3 hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT (nay là xã T), huyện CA, tỉnh H vào ngày 17/8/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì anh T1 có quen biết và qua lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không còn hạnh phúc. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Thời gian sống với nhau có 02 con chung tên Trần Chí T3, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/2010 và Trần Nguyễn Hồng N, giới tính: Nữ, sinh ngày 13/10/2019, hiện tại các con đang sống chung chị. Chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không có yêu cầu

Về nợ chung: Không có nên không có yêu cầu

Bị đơn anh Trần Chí T1 quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Trần Chí T1 tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Chí T1, hiện tại có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện CA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Anh Trần Chí T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn T3 hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2009, có T3 hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T1 có mối quan hệ bất chính bên ngoài dẫn đến đời sống vợ chồng mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho hai người được đoàn tụ nhưng anh T1 không tham dự. Chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị T và anh T1 chung sống phát sinh mâu thuẫn lại không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Chí T1.

[2]. Về con chung: Chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, chị T và anh T1 sống với nhau có 02 con chung tên Trần Chí T3, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/2010 và Trần Nguyễn Hồng N, giới tính: Nữ, sinh ngày 13/10/2019, hiện tại đang sống chung với chị T. Anh T1 biết chị T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Do cháu Trần Chí T3 hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Tờ tự khai của cháu T3, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Chí T1.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Trần Chí T3, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/2010 và Trần Nguyễn Hồng N, giới tính: Nữ, sinh ngày 13/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Chí T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011786 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Chí T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn